

下课后，小明吃面

姓名：

年 月 日

After class, Ming ate noodles.

xià kè hòu xiǎo míng chī miàn

下课后，小明吃面，

Ming finished class.

xiǎo míng xià kè le

小明下课了，

Ming likes noodles,

xiǎo míng xǐ huan chī miàn

小明喜欢吃面，

His grandma made him a bowl of noodles, and also fried an egg to put on top of it.

wài pó gěi xiǎo míng zuò le yí wǎn miàn

外婆给小明做了一碗面，

hái jiān le yí gè dàn fàng zài nà wǎn miàn shàng

还煎了一个蛋放在那碗面上。

下课后，小明吃面

姓名：

年 月 日

Grandma and Ming happily ate lunch at
McDonald's.